

Bản án số: 15/2018/HSPT

Ngày: 17-01-2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Hương

Các Thẩm phán:

Ông Đinh Quang Nghĩa

Bà Bùi Kim Rết

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài.

- Đại diện VKSND tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 303/2017/HSPT ngày 06 tháng 11 năm 2017 do có kháng cáo của các bị cáo Đỗ Tiến H, Vũ Phước L và Nguyễn Quốc V đối với bản án sơ thẩm số 65/2017/HSST ngày 25/9/2017 của TAND huyện P.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Đỗ Tiến H (H H) – sinh năm 1980, tại Đồng Nai; Nơi ĐKKHKT: Ấp K1, xã L1, huyện P, Đồng Nai; Chỗ ở: Khu phố Hiệp Lợi, TT. P1, huyện P1, Đồng Nai; Trình độ văn hóa: 8/12; Nghề nghiệp: Không; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Con ông Đỗ Tiến H – 1957 và bà Nguyễn Thị L – 1960; Vợ: Nguyễn Thị Thùy L – 1986 (đã ly hôn năm 2013); Con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2012.

Nhân thân:

- Ngày 26/4/1999, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 14 năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt ngày 30/4/2005.

- Ngày 30/9/2009, bị Tòa án nhân dân huyện P xử phạt 03 năm tù về tội “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản”.

Tiền sự: Không.

Bị tạm giam từ 01/5/2016 đến nay.

2. Nguyễn Quốc V (K) – sinh năm 1988, tại Đồng Tháp. Nơi ĐKHKTT: Tổ 2, ấp K2, TT. P1, huyện P1, Đồng Nai. Trình độ văn hóa: 10/12; Nghề nghiệp: Không, Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật. Con ông Nguyễn Văn Đ – 1964 và bà Nguyễn Thị Thanh L – 1966. Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giam từ ngày 11/6/2016 đến nay.

3. Phạm Tuấn A – sinh năm 1990, tại Đồng Nai. Nơi ĐKHKTT: Ấp K1, xã L1, huyện P, Đồng Nai. Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Chăn nuôi. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa. Con ông Phạm Mạnh T – 1962 và bà Trần Lệ T – 1968. Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giam từ ngày 09/4/2016 đến nay.

4. Vũ Phước L (Lộc Hợp) – sinh năm 1996, tại Lâm Đồng. Nơi ĐKHKTT: Thôn T V, xã L2, TP. B, Lâm Đồng, Trình độ văn hóa: 7/12; Nghề nghiệp: Không. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa. Con ông Vũ Văn H (đã chết), mẹ ruột không biết tên, bà Phạm Thị M, sinh năm 1969 (là mẹ kế). Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giam từ ngày 10/02/2017 đến nay.

- Các bị cáo không có kháng cáo:

5. Nguyễn Minh T – sinh năm 1994, tại Lâm Đồng. Nơi ĐKHKTT: 26 Trần Cao Vân, P. L3, TP. B, Lâm Đồng. Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Công nhân. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa. Con ông Nguyễn Văn T – 1963 và bà Nguyễn Thị Kim P-1964. Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giam từ ngày 10/01/2016 đến nay.

6. Đỗ Tiến G – sinh năm 1997, tại Đồng Nai. Nơi ĐKHKTT: Ấp K1, xã L1, huyện P, Đồng Nai. Trình độ văn hóa: 10/12; Nghề nghiệp: Không. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa. Con ông Đỗ Trọng N – 1969 và bà Ninh Thị Kim P – 1971. Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không. Ngày 04/4/2017, bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 năm tù về tội “Giao cấu với trẻ em”. Bị tạm giam từ ngày 26/11/2015 đến nay.

7. Trần Thanh T (T T) – sinh năm 1994, tại Lâm Đồng. Nơi ĐKHKTT: Tổ 6A, Phường L3, TP. B, tỉnh Lâm Đồng. Trình độ văn hóa: 6/12; Nghề nghiệp: Không. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa. Con ông Trần Trọng T (đã chết) và bà Nguyễn Thị T – 1962. Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giam từ ngày 30/9/2016 đến nay.

Người bị hại: Nguyễn Hữu T, sinh năm 1966. Địa chỉ: ấp K1, xã L1, huyện P, tỉnh Đồng Nai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Đỗ Thị Dạ T – sinh năm 1983.

Cư trú tại: Ấp K1, xã L1, huyện P, tỉnh Đồng Nai

2. Nguyễn Hồng Y – sinh năm 1982.

Cư trú tại: Ấp K2, TT P1, huyện P1, tỉnh Đồng Nai

3. Lưu Quốc Tuấn – sinh năm 1973.

Cư trú tại: Thôn 11, xã K4, huyện P2, tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án hình sự sơ thẩm: Nguyễn Văn C, Đỗ Tiến H, Nguyễn Quốc V, Đỗ Tiến G, Nguyễn Minh T, Phạm Tuấn A, Vũ Phước L, Trần Thanh T có mối quan hệ bạn bè và cùng băng nhóm với nhau.

Năm 2015, Nguyễn Văn C, Đỗ Tiến H mở sòng bạc tại xã L4, huyện P3, tỉnh Bình Thuận và thường xuyên tổ chức đánh bạc trái phép cho nhiều người tham gia.

Vào khoảng tháng 7/2015, biết được ông Nguyễn Hữu T là người đánh bạc chuyên nghiệp và có mối quan hệ rộng, vừa mới chấp hành xong án phạt tù về tội “Đánh bạc”, đã trở về sinh sống tại địa phương nên C và H đã thuê ông T đến sòng bạc mình làm việc, với nhiệm vụ kiểm tiền thắng thua của những người tham gia đánh bạc, nhằm lôi kéo các con bạc khác đến chơi đánh bạc. Ông T làm tại sòng bạc do C, H tổ chức được một thời gian thì nghỉ. Cho rằng ông T không đến sòng bạc của mình làm là do đến chơi tại sòng bạc do đối tượng có tên là Nguyễn Quang T tổ chức tại xã L4, huyện P3, tỉnh Bình Thuận và có hành vi lôi kéo các con bạc khác đến sòng bạc của Tôn, làm cho lượng khách tại sòng bạc của mình giảm nên Nguyễn Văn C nảy sinh ý định tổ chức chém ông T để trả thù.

Buổi tối ngày 13/8/2015, sau khi nhận được sự chỉ đạo của Nguyễn Văn C, Vũ Phước L đã gọi điện và chở Trần Thanh T, Nguyễn Minh T đến nhà Nguyễn Văn C, ngụ tại thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Sau đó C chở L, T, T đến nhà Nguyễn Quốc V để gặp và bàn bạc với Đỗ Tiến H việc tổ chức chém ông T. Trên đường đi đến nhà V, C nói cho L, T và T biết sự việc trên. Khoảng 21 giờ cùng ngày, cả nhóm tập trung tại nhà V gồm có: Nguyễn Văn C, Đỗ Tiến H, Nguyễn Quốc V, Đỗ Tiến G, Nguyễn Minh T, Phạm Tuấn A, Vũ Phước L, Trần Thanh T. Tại đây Công đã bàn bạc với H việc chém ông T, Công giao cho V tổ chức, chỉ đạo cho đồng bọn thực hiện. C, H dặn V chỉ chém vào những vùng không hiểm yếu trên cơ thể ông T để tránh xảy ra án mạng, Vũ Phước L là người trực tiếp chém. Sau khi bàn bạc xong, C chở V mang theo dao tự chế, L, T, T và G đi tìm ông T để chém. Nhưng do không tìm được ông T nên cả nhóm giải tán.

Đến khoảng 09 giờ ngày 14/8/2015, C gọi điện cho V đốc thúc việc đi tìm ông Nguyễn Hữu T và dặn V chỉ đạo cho đàn em thực hiện, V không được ra mặt. Sau khi nhận được lệnh của C, V đưa cho T 01 giỏ cối, bên trong có 02 con dao và phân công cho T đi cùng xe với T, L và G đi cùng 01 xe và cùng mang theo 01 giỏ cối

bên trong có 02 con dao, còn T A chở V mang theo 01 con dao và 01 dùi cui điện. V phân công ra từng tổ (T và Tú 01 tổ, L và G 01 tổ, T A và V 01 tổ), đứng canh ở đường Đa Kai thuộc xã L1, huyện Pnhằm chờ ông T đi đánh bạc về để chém. Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, ông Nguyễn Hữu T chạy xe về ngang qua chỗ nhóm V đứng phục, nhưng do ông T chạy nhanh và trời tối nên nhóm V không chém được ông T.

Biết được buổi sáng hàng ngày ông T thường điều khiển xe vào rẫy ở xã L1, huyện P, cách Quốc lộ 20 khoảng 03 km, V chỉ đạo T A chở V và dẫn cả nhóm đi khảo sát vị trí nhà ông T, đường vào rẫy, chọn các vị trí thích hợp, để sáng ngày hôm sau theo dõi, phục canh chém ông T.

Khoảng 08 giờ sáng ngày 15/8/2015, Nguyễn Quốc V tập trung cả nhóm lại và phân công nhiệm vụ cụ thể như sau: Giáo chở L mang theo 02 con dao đựng trong giỏ cói vào đường liên xã L2 – Núi Tượng, cách Quốc lộ 20 khoảng 1.500m, đứng canh ông T đi ngang qua để chém, L là người trực tiếp chém. T đi cùng xe với T mang theo 02 con dao để trong 01 giỏ cói, đến phía trước khu vực nhà ông T quan sát, theo dõi, khi thấy ông T đi vào rẫy thì gọi điện báo cho L biết để L chặn đường chém ông T. T A có nhiệm vụ chở V để V chỉ đạo việc thực hiện tội phạm.

Khoảng 09 giờ cùng ngày, khi thấy ông T điều khiển ra khỏi nhà, T gọi điện báo cho L biết. Sau đó Lộc gọi điện thông báo cho V biết ông T đang đi vào rẫy và chuẩn bị chém ông T. Sau đó Giáo chở Lộc đến một vị trí vắng người qua lại trên đường liên xã L2 – Núi Tượng để chờ ông T đi qua, Giáo nổ máy xe chờ sẵn để tẩu thoát. Khi ông Trí vừa điều khiển xe đến gần vị trí L và G đứng, L cầm dao xông ra chặn đường, ông T phanh xe gấp làm xe và người bị ngã xuống đường, L xông vào chém ông T khoảng 03 đến 04 nhát, ông T đưa tay lên đỡ và bỏ chạy thì bị ngã, L tiếp tục xông vào chém ông T nhiều nhát trúng vào tay, chân ông T, ông T kêu cứu và nằm bất động. Thấy người dân ra đông, L lên xe cho G chở bỏ chạy làm rớt lại con dao đựng trong giỏ cói. Lúc này T chở T tới, T lấy 01 con dao trong giỏ cói đưa lên chém ông T nhưng thấy ông T van xin, L nói “thôi đi đi” và người dân ra đông nên T lên xe cho T chở bỏ chạy theo G và L về hướng xã L2, khi đến khu vực thuộc Ấp 3, xã L2, do xe G điều khiển hết xăng nên phải dừng lại cho T và T đi mua xăng. L cởi áo dính máu vứt lại bãi cỏ ven đường cùng 03 con dao để trong 01 giỏ cói và tẩu thoát. Ông T được người dân đưa đi cấp cứu.

Hậu quả: Tại Bản giám định pháp y số 0856/GDPY/2015 ngày 25/11/2015 của Trung tâm pháp y Đồng Nai kết luận ông Nguyễn Hữu T bị thương tích như sau:

“1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Tồn thương 02 xương cẳng chân phải, can xấu (áp dụng chương 8, mục VII, điều 3.2), tỷ lệ 25%.

- Tồn thương 02 tầng xương chày trái (áp dụng chương 8, mục VII, điều 5.2), tỷ lệ 20%.

- Tồn thương gãy xương bàn II, III, IV, V bàn tay trái (áp dụng chương 8, mục VIII, điều 4.2), tỷ lệ 20%.

- Tồn thương thần kinh gian cốt sau trái (áp dụng chương 8, mục VIII, điều 3.14), tỷ lệ 15%.

- Tồn thương vỡ xương gót trái (áp dụng chương 8, mục VIII, điều 8.2), tỷ lệ 11%.

- Tồn thương gãy xương quay trái (áp dụng chương 8, mục VII, điều 7.1), tỷ lệ 06%.

- Vết thương phần mềm cẳng tay trái để lại sẹo kích thước 15x0,5cm, vết thương mu bàn tay trái để lại sẹo kích thước 12x0,2cm, vết thương đùi trái để lại sẹo kích thước 03x0,3cm, 03 vết thương cẳng chân trái để lại sẹo kích thước 05x0,3cm, 11x0,3cm, 3,5x0,3cm, vết thương gót trái để lại sẹo kích thước 15x0,5cm, 02 vết thương cẳng chân phải để lại sẹo kích thước 09x0,3cm và 15x0,3cm (áp dụng chương 9, mục I, điều 4), tỷ lệ 11%.

- Tồn thương bó mạch chày trước cẳng chân phải (áp dụng chương 2, mục VII, điều 3.14), tỷ lệ 10%.

2. Tỷ lệ tồn thương cơ thể (áp dụng theo phương pháp cộng lùi) do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là: 73%.

3. Kết luận khác:

- Vật gây thương tích: “Vật sắc”.

Sau khi gây án, Nguyễn Văn C và Đỗ Tiến H tổ chức cho các đồng phạm bỏ trốn khỏi địa phương.

Đến ngày 25/11/2015, Đỗ Tiến G đến Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện P đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đồng phạm, chỉ nơi vớt bỏ công cụ gây án để cơ quan điều tra thu hồi. Từ các tài liệu chứng cứ thu thập được, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện P đã ra lệnh bắt khẩn cấp đối với các đối tượng còn lại, qua đó: Ngày 10/01/2016 thi hành lệnh bắt đối Nguyễn Minh T, ngày 09/4/2016 thi hành lệnh bắt đối với Phạm Tuấn A, ngày 01/5/2016 thi hành lệnh bắt đối với Nguyễn Văn C và Đỗ Tiến H, ngày 11/6/2016, Nguyễn Quốc V đến Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện P đầu thú. Ngày 30/9/2016, Trần Thanh T đến Cơ quan cảnh sát điều tra công an Thành phố Hà Nội đầu thú, ngày 10/02/2017, Vũ Phước L bị bắt theo quyết định truy nã.

Tại Cơ quan điều tra, Đỗ Tiến H, Nguyễn Quốc V, Đỗ Tiến G, Nguyễn Minh T, Phạm Tuấn A, Trần Thanh T, Vũ Phước L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đồng phạm.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn C không thừa nhận hành vi phạm tội của mình; tại phiên tòa xét xử sơ thẩm ngày 13/9/2016 (phiên tòa sau đó bị hoãn để trả hồ sơ điều tra bổ sung do phát sinh tình tiết mới), Nguyễn Văn C thừa nhận việc mình chỉ đạo cho đồng phạm đi chém người khác nhưng là chém đối tượng Nguyễn Quang T chứ không phải chém ông Nguyễn Hữu T. Tuy nhiên căn cứ lời khai của Đỗ Tiến H, Nguyễn Quốc V, Đỗ Tiến G, Nguyễn Minh T, Phạm Tuấn A, Trần Thanh T, Vũ Phước L và các tình tiết chứng cứ khác thu thập được, đã có đủ căn cứ kết luận hành vi phạm tội của Nguyễn Văn C.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình Nguyễn Văn C, Đỗ Tiến H đã thỏa thuận bồi thường xong cho ông Nguyễn Hữu T. Ông Nguyễn Hữu T đã làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình theo đúng nội dung vụ án nêu trên.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 65/2017/HSST ngày 25/9/2017 của TAND huyện P đã áp dụng điểm a, e, i khoản 1 Điều 104 BLHS; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS; Điều 53 BLHS và áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS đối với bị cáo H, xử phạt các bị cáo: Đỗ Tiến H 07 năm tù, Nguyễn Quốc V 10 năm tù, Vũ Phước L 10 năm tù, Nguyễn Tuấn A 06 năm tù, Nguyễn Minh T 06 năm tù, Trần Thanh T 06 năm tù và Đỗ Tiến G 05 năm tù đều về tội “Cố ý gây thương tích”.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 02/10/2017, bị cáo Đỗ Tiến H kháng cáo kêu oan, cho rằng mình chỉ có hành vi “Che giấu tội phạm”. Các bị cáo Phạm Tuấn A, Vũ Phước L và Nguyễn Quốc V kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 30/10/2017, bị cáo Phạm Tuấn A có đơn rút kháng cáo. Ngày 03/11/2017, TAND tỉnh Đồng Nai đã có Thông báo về việc rút kháng cáo của bị cáo Phạm Tuấn A.

Tại phiên tòa, bị cáo Đỗ Tiến H không thừa nhận hành vi phạm tội “Cố ý gây thương tích” với vai trò đồng phạm mà chỉ cho rằng mình có hành vi “Che giấu tội phạm”. Các bị cáo Vũ Phước L và Nguyễn Quốc V tiếp tục đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có quan điểm cho rằng: Trong vụ án này, căn cứ vào lời khai của Nguyễn Văn C và các đồng phạm khác trong vụ án thể hiện Đỗ Tiến H là người bàn bạc với Nguyễn Văn C chỉ đạo các bị cáo trong vụ án đi

chém ông Nguyễn Văn T. Hậu quả là ngày 15/8/2015, các bị cáo đã chém ông T gây thương tích với tỷ lệ 73%. Trong đó bị cáo Vũ Phước L là người trực tiếp chém bị hại. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự công cộng tại địa phương. Cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất, mức độ và vai trò của các bị cáo để cá thể hóa hình phạt phù hợp với mức độ tham gia của từng bị cáo.

Tuy nhiên, qua tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, lý lịch, nhân thân của các bị cáo là không chính xác, có nhiều sai sót kể cả các bị cáo không có kháng cáo, đã vi phạm tố tụng. Do đó, đề nghị HĐXX hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số 65/2017/HSST ngày 25/9/2017 của TAND huyện P để điều tra, xét xử lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Xuất phát từ mâu thuẫn cá nhân với ông Nguyễn Hữu T nên ngày 13/8/2015, Nguyễn Văn C đã bàn bạc với Đỗ Tiến H (là người cùng tổ chức sòng bạc tại xã L3, huyện P3) rủ rê 06 đối tượng gồm: Nguyễn Quốc V, Đỗ Tiến G, Nguyễn Minh T, Phạm Tuấn A, Vũ Phước L và Trần Thanh T đến nhà mình và cùng nhau bàn bạc lên kế hoạch đánh chém ông T để trả thù. Được tất cả đồng ý tham gia. Sau khi thống nhất, các bị cáo đã hai lần chuẩn bị dao (loại dao tự chế) đi tìm ông T để thực hiện nhưng không gặp. Khoảng 09 giờ sáng, ngày 15/8/2015, cả nhóm tiếp tục rủ nhau đến đoạn đường liên xã L2 để chờ ông T đi ngang qua nhằm thực hiện kế hoạch chém ông T trả thù. Khi vừa nhìn thấy ông T điều khiển xe mô tô chạy ngang qua thì các bị cáo đã cầm dao tự chế (chuẩn bị sẵn) xông ra chém nhiều nhất vào người ông T. Hậu quả theo Bản giám định pháp y số 0856/GDPY/2015 ngày 25/11/2015 của Trung tâm pháp y Đồng Nai, ông T đã bị nhiều vết thương ở tay, chân và trên người với tổng tỷ lệ thương tật là 73%. Trong đó bị cáo Vũ Phước L là người trực tiếp chém ông T, còn các bị cáo G, T, A, T là người giúp sức tích cực. Đối với bị cáo Đỗ Tiến H mặc dù không trực tiếp tham gia gây thương tích cho người bị hại, nhưng bị cáo đã tham gia bàn bạc với Nguyễn Văn Công về việc tổ chức gây thương tích cho ông T (ông T là người có mâu thuẫn với bị cáo và Nguyễn Văn C). Sau khi sự việc xảy ra bị cáo cũng chính là người đã tổ chức cho các đồng phạm bỏ trốn khỏi địa phương nhằm trốn tránh trách nhiệm đã gây ra. Do đó bị cáo H phải chịu trách nhiệm với vai trò đồng phạm. Tại phiên tòa, bị cáo cho rằng mình không bàn bạc và không biết các bị cáo trong vụ án đi đánh ông T. Lời khai này của bị cáo không phù hợp với các lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, không phù hợp với lời khai của các bị cáo khác cùng các tài liệu, chứng cứ và các tình tiết khách quan của vụ án. Với tính chất, vai trò và mức độ hành vi phạm tội

của bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm a, e, i khoản 1, khoản 3 Điều 104 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã không những gây mất trật tự xã hội tại địa phương mà còn gây thiệt hại nghiêm trọng về sức khỏe cho người bị hại (thương tích 73%). Các bị cáo phạm tội có tổ chức, đã cùng nhau bàn bạc, chuẩn bị hung khí và phân công nhiệm vụ cho từng người cụ thể. Nguy hiểm hơn nữa là các bị cáo đã rủ nhau đi tìm người bị hại không những một lần mà nhiều lần (03 lần) cho thấy sự quyết tâm thực hiện tội phạm đến cùng của các bị cáo. Do đó, cần giành cho các bị cáo một mức án thật nghiêm để trừng trị, răn đe và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, HĐXX xét thấy còn một số vấn đề chưa được làm rõ và có sai sót, vi phạm nghiêm trọng về tố tụng, cần được điều tra, xác minh làm rõ, cụ thể:

Về tiền án, tiền sự, nhân thân của bị cáo Đỗ Tiến H: Tại Kết luận điều tra số 69/KLĐT ngày 23/6/2016 của CSĐT Công an huyện P xác định bị cáo H có 02 tiền án, 01 tiền sự; Cáo trạng số 73/CT-VKS-HS ngày 05/8/2016 và Cáo trạng số 104/CT-VKS-HS ngày 16/11/2016 của VKSND huyện P thể hiện 03 tiền án; không có tiền sự; Cáo trạng số 31/CT-VKS ngày 13/4/2017 của VKSND huyện P lại thể hiện có 02 tiền án, không có tiền sự. Ngoài ra, trong hồ sơ vụ án, không có tài liệu nào thể hiện ngày chấp hành xong hình phạt tù của bị cáo H. Các bản Kết luận điều tra, Cáo trạng và kể cả Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2017/HSST ngày 25/9/2017 của TAND huyện P cũng không làm rõ vấn đề này. Trong khi tại Biên bản xác minh (BL 109) xác định: “Đỗ Tiến H đã chấp hành án phí dân sự, đóng với số tiền là 200.000 đồng...” vào tháng 11/2009. Như vậy, cần xác minh làm rõ tiền án, tiền sự, nhân thân; án phí hình sự và ngày bị cáo H chấp hành xong án phạt tù đối với tội “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản” để có cơ sở xác định bị cáo H đã được xóa án tích hay chưa? Bị cáo là người có tiền án hay chỉ là nhân thân.

Mặt khác, tại đơn kháng cáo của bị cáo Đỗ Tiến H nộp cho TAND tỉnh Đồng Nai có kèm theo Bản án phát hành (bản phô tô) của TAND huyện P. Trong phần nội dung của bản án (phô tô) có phần khác so với nội dung của bản án gốc và bản án phát hành lưu tại hồ sơ vụ án, cụ thể: Bản án trong hồ sơ thể hiện bị cáo H chỉ có nhân thân và trong phần nhận định có nêu “Đây là vụ án đồng phạm có tổ chức, ...” còn tại bản án phô tô lại ghi bị cáo H có 02 tiền án và trong phần nhận định nêu “Đây là vụ án đồng phạm giản đơn ...” và có thêm đoạn “Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo H..., áp dụng thêm điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS” (tại trang thứ 09). Như vậy, Bản án gốc lưu tại hồ sơ và bản án tổng đạt cho các bị cáo có sự khác biệt về nội dung nhận định. Đây là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Về lý lịch của một số bị cáo trong vụ án cũng có sự khác biệt, cụ thể:

Danh bản của bị cáo Nguyễn Minh T thể hiện mẹ là bà “Nguyễn Kim P”, tại lý lịch bị can (BL 201) là “Nguyễn Thị Kim P”; Danh bản, Thông báo tiền án tiền sự của bị cáo Đỗ Tiến H thể hiện tên vợ là “Nguyễn Hồng Y” (không đăng ký kết hôn), tại Lý lịch (BL 114) là “Nguyễn Thị Thùy L”; Danh bản của Phạm Tuấn A thể hiện tên mẹ là “Trần T. Lê T”, cha là “Phạm Mạnh T”, tại lý lịch (BL 256) là “Trần Lê T” và Yêu cầu, Thông báo tra cứu (BL 253, 254) là “Phạm Minh T”; Danh bản bị cáo Trần Thanh T thể hiện tên cha là Trần Trọng T, tại lý lịch (BL 333) là “Trần Trọng T”.

Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung số 01/2017/HSST-QĐ ngày 15/02/2017 của TAND huyện P (BL 213) được ký bởi “Thẩm phán”, trong khi vụ án này trước đó đã có Quyết định xét xử số 08/2017/HSST-QĐ ngày 10/01/2017. Trường hợp này Thẩm quyền ký Quyết định phải do Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa thay mặt Hội đồng xét xử ký.

Với những sai sót và vi phạm nêu trên, HĐXX xét thấy không thể bổ sung được, cần thiết phải hủy bản án hình sự sơ thẩm số 65/2017/HSST ngày 25/9/2017 của TAND huyện P để điều tra xác minh, làm rõ những vấn đề nêu trên. Do bản án bị hủy nên HĐXX không xem xét kháng cáo của các bị cáo Đỗ Tiến H, Nguyễn Quốc V và Vũ Phước L.

Quan điểm của đại diện VKS tại phiên tòa phù hợp nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355 BLTTHS 2015; điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 358 BLTTHS 2015.

Hủy bản án hình sự sơ thẩm số 65/2017/HSST ngày 25/9/2017 của TAND huyện P đã xét xử các bị cáo Đỗ Tiến H và đồng phạm về tội “Cố ý gây thương tích”.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân huyện P để điều tra lại vụ án theo thủ tục chung.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo (kể cả các bị cáo không kháng cáo, không bị kháng nghị) đến khi VKSND huyện P thụ lý lại vụ án.

Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện P(2);
- VKSND huyện P;
- Công an huyện P;
- Chi cục THADS huyện P
- Phòng PV27 CA tỉnh Đồng Nai;
- B5, người thân gia tố tụng;
- Lưu HS (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THÂM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Hồng Hương